

Mega AP-90 (P75 & P65)



Model: MAP11-610x610x90-10/22-75

MAP11: Mega AP, Cấp lọc E11 theo EN1822

610x610x90: Kích thước WxLxD mm

10/22: Giọng mặt gió vào / lưới hai mặt

75: Độ dày nếp gấp mm

Mã MGT: HL13ARN2PG-610x610x90

ỨNG DỤNG

Sử dụng cho hệ thống lọc khí tuyệt đối trong môi trường kiểm soát ô nhiễm, phòng sạch, thiết bị dòng khí thẳng (LAF) và phòng mổ.

Lọc dòng khí chảy tầng

Khung: Nhôm

Vật liệu lọc: Sợi thủy tinh

Lưới bảo vệ: Hai mặt

Loại gasket: Polyurethane

Vị trí gasket: Mặt gió vào

Giai đoạn lọc: III-IV

Hiệu suất hạt MPPS EN 1822:

H13 ($\geq 99.95\%$), H14 ($\geq 99.995\%$),

U15 ($\geq 99.9995\%$).

Nhiệt độ tối đa: 80°C

Độ ẩm tương đối: 100%

Chênh áp cuối : 600 Pa

Cấp độ chống cháy: K1/F1 theo tiêu chuẩn DIN53438

Model	Mã	Mã MGT	Kích thước WxLxD	Cấp lọc EN 1822	Độ dày nếp gấp (mm)	Diện tích vật liệu lọc (m ²)	Lưu lượng (m ³ /h)	Chênh áp ban đầu (Pa)	Trọng lượng (kg)
MAP13-305x305x90-10/22-75	159001M	HL13ARN2PG	305x305x90	H13	75	3	150	100	1.85
MAP13-305x610x90-10/22-75	159002M	HL13ARN2PG	305x610x90	H13	75	6	300	100	3.5
MAP13-457x457x90-10/22-75	159003M	HL13ARN2PG	457x457x90	H13	75	6.5	350	100	4.25
MAP13-457x610x90-10/22-75	159004M	HL13ARN2PG	457x610x90	H13	75	8.75	450	100	6.5
MAP13-610x610x90-10/22-75	159005M	HL13ARN2PG	610x610x90	H13	75	11.75	600	100	6.8
MAP13-610x762x90-10/22-75	159006M	HL13ARN2PG	610x762x90	H13	75	14.5	750	100	8.5
MAP13-610x915x90-10/22-75	159007M	HL13ARN2PG	610x915x90	H13	75	17	900	100	10
MAP13-610x1220x90-10/22-75	159008M	HL13ARN2PG	610x1220x90	H13	75	23	1200	100	12.5
MAP13-762x762x90-10/22-75	159009M	HL13ARN2PG	762x762x90	H13	75	18	900	100	10
MAP13-762x915x90-10/22-75	159010M	HL13ARN2PG	762x915x90	H13	75	22	1150	100	10.5
MAP13-915x915x90-10/22-75	159011M	HL13ARN2PG	915x915x90	H13	75	26.5	1350	100	11.5
MAP14-305x305x90-10/22-75	159012M	HL14ARN2PG	305x305x90	H14	75	3	150	115	1.85
MAP14-305x610x90-10/22-75	159013M	HL14ARN2PG	305x610x90	H14	75	6	300	115	3.5
MAP14-457x457x90-10/22-75	159014M	HL14ARN2PG	457x457x90	H14	75	6.5	350	115	4.25
MAP14-457x610x90-10/22-75	159015M	HL14ARN2PG	457x610x90	H14	75	8.75	450	115	6.5
MAP14-610x610x90-10/22-75	159016M	HL14ARN2PG	610x610x90	H14	75	11.75	600	115	6.8
MAP14-610x762x90-10/22-75	159017M	HL14ARN2PG	610x762x90	H14	75	14.5	750	115	8.5
MAP14-610x915x90-10/22-75	159018M	HL14ARN2PG	610x915x90	H14	75	17	900	115	10
MAP14-610x1220x90-10/22-75	159019M	HL14ARN2PG	610x1220x90	H14	75	23	1200	115	12.5
MAP14-762x762x90-10/22-75	159020M	HL14ARN2PG	762x762x90	H14	75	18	900	115	10
MAP14-762x915x90-10/22-75	159021M	HL14ARN2PG	762x915x90	H14	75	22	1150	115	10.5
MAP14-915x915x90-10/22-75	159022M	HL14ARN2PG	915x915x90	H14	75	26.5	1350	115	11.5
MAP15-305x305x90-10/22-75	159023M	HL15ARN2PG	305x305x90	U15	75	3	150	130	1.85
MAP15-305x610x90-10/22-75	159024M	HL15ARN2PG	305x610x90	U15	75	6	300	130	3.5
MAP15-457x457x90-10/22-75	159025M	HL15ARN2PG	457x457x90	U15	75	6.5	350	130	4.25
MAP15-457x610x90-10/22-75	159026M	HL15ARN2PG	457x610x90	U15	75	8.75	450	130	6.5
MAP15-610x610x90-10/22-75	159027M	HL15ARN2PG	610x610x90	U15	75	11.75	600	130	6.8
MAP15-610x762x90-10/22-75	159028M	HL15ARN2PG	610x762x90	U15	75	14.5	750	130	8.5

MADE IN TURKEY

Manufacturer: MGT

Model	Mã	Mã MGT	Kích thước WxLxD	Cấp lọc EN 1822	Độ dày nếp gấp (mm)	Diện tích vật liệu lọc (m ²)	Lưu lượng (m ³ /h)	Chênh áp ban đầu (Pa)	Trọng lượng (kg)
MAP15-610x915x90-10/22-75	159029M	HL15ARN2PG	610x915x90	U15	75	17	900	130	10
MAP15-610x1220x90-10/22-75	159030M	HL15ARN2PG	610x1220x90	U15	75	23	1200	130	12.5
MAP15-762x762x90-10/22-75	159031M	HL15ARN2PG	762x762x90	U15	75	18	900	130	10
MAP15-762x915x90-10/22-75	159032M	HL15ARN2PG	762x915x90	U15	75	22	1150	130	10.5
MAP15-915x915x90-10/22-75	159033M	HL15ARN2PG	915x915x90	U15	75	26.5	1350	130	11.5
MAP13-305x305x90-10/22-65	158034M	HL13ARN2PG	305x305x90	H13	65	3	150	100	1.85
MAP13-305x610x90-10/22-65	158035M	HL13ARN2PG	305x610x90	H13	65	6	300	100	3.5
MAP13-457x457x90-10/22-65	158036M	HL13ARN2PG	457x457x90	H13	65	6.5	350	100	4.25
MAP13-457x610x90-10/22-65	158037M	HL13ARN2PG	457x610x90	H13	65	8.75	450	100	6.5
MAP13-610x610x90-10/22-65	158038M	HL13ARN2PG	610x610x90	H13	65	11.75	600	100	6.8
MAP13-610x762x90-10/22-65	158039M	HL13ARN2PG	610x762x90	H13	65	14.5	750	100	8.5
MAP13-610x915x90-10/22-65	158040M	HL13ARN2PG	610x915x90	H13	65	17	900	100	10
MAP13-610x1220x90-10/22-65	158041M	HL13ARN2PG	610x1220x90	H13	65	23	1200	100	12.5
MAP13-762x762x90-10/22-65	158042M	HL13ARN2PG	762x762x90	H13	65	18	900	100	10
MAP13-762x915x90-10/22-65	158043M	HL13ARN2PG	762x915x90	H13	65	22	1150	100	10.5
MAP13-915x915x90-10/22-65	158044M	HL13ARN2PG	915x915x90	H13	65	26.5	1350	100	11.5
MAP14-305x305x90-10/22-65	158045M	HL14ARN2PG	305x305x90	H14	65	3	150	115	1.85
MAP14-305x610x90-10/22-65	158046M	HL14ARN2PG	305x610x90	H14	65	6	300	115	3.5
MAP14-457x457x90-10/22-65	158047M	HL14ARN2PG	457x457x90	H14	65	6.5	350	115	4.25
MAP14-457x610x90-10/22-65	158048M	HL14ARN2PG	457x610x90	H14	65	8.75	450	115	6.5
MAP14-610x610x90-10/22-65	158049M	HL14ARN2PG	610x610x90	H14	65	11.75	600	115	6.8
MAP14-610x762x90-10/22-65	158050M	HL14ARN2PG	610x762x90	H14	65	14.5	750	115	8.5
MAP14-610x915x90-10/22-65	158051M	HL14ARN2PG	610x915x90	H14	65	17	900	115	10
MAP14-610x1220x90-10/22-65	158052M	HL14ARN2PG	610x1220x90	H14	65	23	1200	115	12.5
MAP14-762x762x90-10/22-65	158053M	HL14ARN2PG	762x762x90	H14	65	18	900	115	10
MAP14-762x915x90-10/22-65	158054M	HL14ARN2PG	762x915x90	H14	65	22	1150	115	10.5
MAP14-915x915x90-10/22-65	158055M	HL14ARN2PG	915x915x90	H14	65	26.5	1350	115	11.5
MAP15-305x305x90-10/22-65	158056M	HL15ARN2PG	305x305x90	U15	65	3	150	130	1.85
MAP15-305x610x90-10/22-65	158057M	HL15ARN2PG	305x610x90	U15	65	6	300	130	3.5
MAP15-457x457x90-10/22-65	158058M	HL15ARN2PG	457x457x90	U15	65	6.5	350	130	4.25
MAP15-457x610x90-10/22-65	158059M	HL15ARN2PG	457x610x90	U15	65	8.75	450	130	6.5
MAP15-610x610x90-10/22-65	158060M	HL15ARN2PG	610x610x90	U15	65	11.75	600	130	6.8
MAP15-610x762x90-10/22-65	158061M	HL15ARN2PG	610x762x90	U15	65	14.5	750	130	8.5
MAP15-610x915x90-10/22-65	158062M	HL15ARN2PG	610x915x90	U15	65	17	900	130	10
MAP15-610x1220x90-10/22-65	158063M	HL15ARN2PG	610x1220x90	U15	65	23	1200	130	12.5
MAP15-762x762x90-10/22-65	158064M	HL15ARN2PG	762x762x90	U15	65	18	900	130	10
MAP15-762x915x90-10/22-65	158065M	HL15ARN2PG	762x915x90	U15	65	22	1150	130	10.5
MAP15-915x915x90-10/22-65	158066M	HL15ARN2PG	915x915x90	U15	65	26.5	1350	130	11.5

Tùy chọn khác theo yêu cầu:

Vật liệu lọc: Loại chịu nhiệt cao (Tối đa 120°C).

Lưới bảo vệ: Không lưới, Mặt gió ra, Cả hai mặt.

Loại gioăng: Không, Cao su, EPDM, chịu nhiệt cao.

Vị trí gioăng: Không có, Mặt gió ra, Cả hai mặt.

Chứng nhận ATEX: cho bộ lọc không khí phù hợp cho khu vực có nguy cơ cháy nổ vùng 1, 2, 21 và 22.

Chứng nhận vệ sinh: Lọc HEPA | VDI 6022 Blatt 1:2018, DIN 1946-4:2018, ISO 846:2019 Plastics, BS EN 17141:2020.

Vật liệu tuân thủ tiếp xúc thực phẩm: Lọc HEPA | (EC) No 1935/2004, (EC) No 2002/72, (EU) No 10/2011, (EU) No 2020/1245, U.S. FDA-Determining the Regulatory Status of Components of a Food Contact Material.

MADE IN TURKEY

Manufacturer: MGT